

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHẠM THỊ THU HOÀI

**TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VỀ CHI PHÍ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC VÀ DỊCH VỤ QUẢNG NAM**

Chuyên ngành: KẾ TOÁN
Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2009

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NGÔ HÀ TẤN**

Phản biện 1: TS. Đoàn Thị Ngọc Trai

Phản biện 2: TS. Lê Đức Toàn

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ *Quản trị kinh doanh* họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 17 tháng 01 năm 2010

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của Đề tài

Công ty Cổ phần Lương thực và Dịch vụ Quảng Nam là công ty cổ phần thực hiện kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, xuất khẩu lương thực, thực phẩm, kinh doanh dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn... Hiện tại công tác kiểm soát chi phí tại Công ty đã có nhiều mặt tích cực như: xây dựng hệ thống định mức, tổ chức quá trình kinh doanh, phân công phân nhiệm cho các phòng, ban, cá nhân. Tuy nhiên, việc xây dựng các thủ tục cũng như chế độ kiểm soát chi phí chưa được quan tâm đúng mức, công tác lập dự toán chi phí còn bỏ ngõ. Nhằm kiểm soát tốt mọi mặt hoạt động của Công ty, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, đòi hỏi Công ty hoàn thiện hơn nữa hoạt động kiểm soát chi phí kinh doanh.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng KSNB chi phí kinh doanh, phát hiện những tồn tại và đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường KSNB chi phí kinh doanh tại Công ty CP Lương thực và Dịch vụ Quảng Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Thực tế hoạt động KSNB chi phí kinh doanh theo hướng kiểm soát kế toán tại Công ty Cổ phần Lương thực và Dịch vụ Quảng Nam

4. Phương pháp nghiên cứu:

Luận văn sử dụng phương pháp: phỏng vấn, đối chiếu, thống kê.

5. Kết cấu của Luận văn

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát nội bộ chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại

Chương 2: Thực trạng kiểm soát nội bộ chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lương thực và Dịch vụ Quảng Nam

Chương 3: Giải pháp tăng cường kiểm soát nội bộ chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lương thực và Dịch vụ Quảng Nam

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG QUẢN LÝ

1.1.1. Khái quát về kiểm soát trong quản lý:

Quản lý là một quá trình định hướng và tổ chức thực hiện các hướng đã định trên cơ sở nguồn lực xác định nhằm đạt hiệu quả cao nhất, bao gồm các hoạt động cơ bản có liên hệ với nhau như: lập kế hoạch, cung cấp các nguồn lực, tổ chức, điều hành và kiểm soát. Kiểm soát thường mang tính tự thân, là tự kiểm tra và thông dụng nhất là KSNB tại đơn vị. Có hai dạng KSNB là kiểm soát quản lý và kiểm soát kế toán.

1.1.2. Khái quát về hệ thống kiểm soát nội bộ

1.1.2.1. Khái niệm và mục tiêu của hệ thống kiểm soát nội bộ

Khái niệm về hệ thống kiểm soát nội bộ: “Hệ thống KSNB là các quy định và các thủ tục kiểm soát do đơn vị được kiểm toán xây dựng và áp dụng nhằm bảo đảm cho đơn vị tuân thủ pháp luật và các quy định, để kiểm tra, kiểm soát, ngăn ngừa và phát hiện gian lận, sai sót; để lập báo cáo tài chính trung thực và hợp lý; nhằm bảo vệ, quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản của đơn vị.”

Mục tiêu của hệ thống kiểm soát nội bộ: Bảo vệ tài sản của đơn vị; đảm bảo độ tin cậy các thông tin; đảm bảo việc thực hiện các chế độ pháp lý; đảm bảo hiệu quả của hoạt động và hiệu năng quản lý

1.1.2.2. Các yếu tố của hệ thống kiểm soát nội bộ: Môi trường kiểm soát; Hệ thống thông tin kế toán; Các thủ tục kiểm soát

1.2. BẢN CHẤT VÀ PHÂN LOẠI CHI PHÍ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1.2.1. Bản chất chi phí kinh doanh

Bản chất của chi phí kinh doanh là phải mất đi để đổi lấy một kết quả, kết quả có thể dưới dạng vật chất như hàng hóa, tiền, nhà xưởng... hoặc không có dạng vật chất như kiến thức, dịch vụ được phục vụ...

1.2.2. Phân loại chi phí kinh doanh

1.3. NỘI DUNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1.3.1. Các thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại

1.3.1.1. Kiểm soát giá vốn hàng bán

*** Đối với quá trình mua hàng hóa nhập kho**

Các bộ phận có liên quan: Bộ phận bán hàng, bộ phận mua hàng, bộ phận xét duyệt, bộ phận kế toán, bộ phận kho

Chứng từ sử dụng: Phiếu yêu cầu mua hàng, phiếu nhập kho

*** Đối với quá trình xuất bán hàng hóa**

Tách biệt chức năng ghi sổ kế toán hàng tồn kho và chức năng trông giữ hàng tồn kho; Cất giữ hàng tồn kho vào những nơi có khóa cẩn thận và chỉ những người có thẩm quyền mới có khóa mở chỗ đó; Mọi hàng hóa nhập xuất đều phải có phiếu nhập, xuất hàng và phải có đầy đủ chữ ký của các bộ phận, cá nhân có liên quan.

1.3.1.2. Kiểm soát chi phí bán hàng

*** Kiểm soát chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương**

Các bộ phận có liên quan: Bộ phận bán hàng, bộ phận tính lương, bộ phận xét duyệt, bộ phận kế toán.

Chứng từ sử dụng: Bảng chấm công (hoặc bảng kê số lượng hàng bán hoặc doanh thu), bảng tính lương, bảng tính nộp BHXH, BHYT, KPCĐ

*** Kiểm soát chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng**

+ Kiểm soát quá trình mua vật liệu, bao bì, dụng cụ ... nhập kho

+ Kiểm soát quá trình xuất kho vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ

dùng cho hoạt động bán hàng.

*** Kiểm soát chi phí khấu hao tài sản cố định**

- Nguyên giá tài sản cố định

- Thời gian và phương pháp khấu hao

*** Kiểm soát chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác**

Các bộ phận có liên quan: Bộ phận bán hàng, bộ phận xét duyệt, bộ phận kế toán, thủ quỹ.

Chứng từ sử dụng: các Hóa đơn dịch vụ mua ngoài, phiếu chi

1.3.1.3. Kiểm soát chi phí quản lý doanh nghiệp

Tương tự thủ tục kiểm soát chi phí bán hàng.

1.3.2. Tổ chức thông tin phục vụ kiểm soát nội bộ chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại

1.3.2.1. Lập dự toán chi phí kinh doanh

Các dự toán chi phí kinh doanh được lập dựa trên cơ sở tổng hợp các định mức chi phí của toàn bộ hàng hóa hoặc dịch vụ cung cấp, gồm dự toán GVHB, dự toán chi phí bán hàng, dự toán chi phí QLDN

1.3.2.2. Tổ chức kế toán và lập báo cáo chi phí kinh doanh

- Luân chuyển hồ sơ, chứng từ kế toán;

- Tập hợp chi phí;

- Lập báo cáo chi phí kinh doanh

1.3.2.3. Phân tích biến động chi phí kinh doanh

a. Kiểm soát giá vốn hàng bán

- Kiểm soát biến động về lượng

- Kiểm soát biến động về giá

b. Kiểm soát chi phí bán hàng

- Kiểm soát biến phí bán hàng
- Kiểm soát định phí bán hàng

c. Kiểm soát chi phí quản lý doanh nghiệp

Việc kiểm soát chi phí QLDN giống như kiểm soát chi phí bán hàng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Sự phát triển lớn mạnh của nền kinh tế đòi hỏi các nhà quản lý phải giám sát một cách chặt chẽ và thường xuyên tất cả các hoạt động của doanh nghiệp mình. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các doanh nghiệp đều quan tâm đến các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận sao cho lợi nhuận đạt được cao nhất. Để làm được điều này thì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải hiệu quả, doanh thu tăng đồng thời chi phí giảm. Muốn vậy, các doanh nghiệp cần phải kiểm soát được chi phí kinh doanh thông qua hệ thống KSNB hoạt động một cách thường xuyên và hiệu quả nhất.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC
VÀ DỊCH VỤ QUẢNG NAM

2.1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC VÀ DỊCH VỤ QUẢNG NAM

2.1.1. Quá trình hình thành, phát triển và chức năng, nhiệm vụ của Công ty Cổ phần Lương thực và Dịch vụ Quảng Nam

2.1.2. Cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh ở Công ty Cổ phần Lương thực và Dịch vụ Quảng Nam.

2.1.3. Tổ chức kế toán ở Công ty Cổ phần Lương thực và Dịch vụ Quảng Nam

2.2. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC VÀ DỊCH VỤ QUẢNG NAM

2.2.1. Môi trường kiểm soát liên quan đến kiểm soát nội bộ về chi phí kinh doanh ở Công ty

- Cơ cấu tổ chức
- Chính sách nhân sự
- Công tác kế hoạch
- Bộ phận kiểm toán nội bộ
- Các nhân tố bên ngoài

2.2.2. Kiểm soát nội bộ chi phí kinh doanh ở Công ty thông qua các thủ tục kiểm soát

2.2.2.1. Kiểm soát giá vốn hàng bán

a. Kiểm soát giá vốn hàng hóa tiêu thụ

*** Kiểm soát giá mua hàng hóa tiêu thụ trong kỳ**

- Quá trình mua hàng hóa nhập kho

+ Tại các đơn vị trực thuộc tổ chức hoạt động kinh doanh nhà hàng

Phụ trách đơn vị liên hệ với nhà cung cấp để ký hợp đồng mua các loại hàng hóa theo giá cả thị trường. Kế toán đơn vị nhận hóa đơn, lập phiếu nhập kho. Thủ kho kiểm tra, nhận hàng, ký xác nhận vào phiếu nhập kho; kế toán tổng hợp các chứng từ có liên quan ghi sổ kế toán chi tiết, lên bảng kê chứng từ cùng loại, chứng từ ghi sổ chuyển về Phòng TC-KT Công ty vào cuối tháng.

+ Tại Văn phòng Công ty

Khi nhận được đơn đặt hàng hoặc mua hàng theo dự kiến bán, Phòng NVSXXKD khảo sát giá trình Giám đốc ký duyệt. Phòng NVSXXKD xây dựng phương án kinh doanh chuyển Phòng TC-KT kiểm soát về giá, trình lãnh đạo phê duyệt. Sau khi phương án kinh doanh được duyệt y, Phòng NVSXXKD tiến hành ký hợp đồng mua hàng hóa.

Khi hàng hóa về, kế toán hàng tồn kho tiếp nhận các chứng từ có liên quan đến hàng hóa cần nhập kho, kiểm tra, lập phiếu nhập kho. Thủ kho nhận hàng, ký xác nhận vào phiếu nhập kho, ghi thẻ kho. Kế toán hàng tồn kho cập nhật các chứng từ ghi sổ kế toán.

*** Kiểm soát chi phí mua hàng phân bổ cho hàng bán ra trong kỳ**

- Quá trình xuất kho hàng hóa để bán

+ Tại các đơn vị trực thuộc tổ chức hoạt động kinh doanh nhà hàng

Bộ phận kinh doanh lập giấy đề nghị xuất kho hàng hóa trình phụ trách đơn vị ký duyệt, chuyển đến kế toán đơn vị lập phiếu xuất kho trình ký duyệt, thủ kho xuất hàng hóa theo phiếu xuất kho, cùng với người nhận hàng ký xác nhận vào phiếu xuất kho, ghi vào thẻ kho. Kế

toán nhận lại phiếu xuất kho, cuối quý chuyển về kế toán Công ty xác định GVHB thông qua báo cáo kho, lập chứng từ ghi sổ, ghi sổ kế toán.

+ Tại Văn phòng Công ty

Khi có khách hàng mua hàng, bộ phận bán hàng lập lệnh xuất hàng hóa trình lãnh đạo phê duyệt, chuyển đến kế toán hàng tồn kho lập phiếu xuất kho, trình ký duyệt. Thủ kho xuất kho hàng hóa theo phiếu xuất kho, ký xác nhận vào phiếu xuất kho, ghi thẻ kho, chuyển lại cho kế toán.

*** Kiểm soát chi phí mua hàng phân bổ cho hàng bán ra trong kỳ**

+ Tại Văn phòng Công ty

Chi phí này được kiểm soát theo chứng từ thực tế phát sinh, phù hợp với định mức quy định của Công ty. Chi phí mua hàng phân bổ cho hàng tiêu thụ trong quý theo giá vốn hàng hóa.

b. Kiểm soát giá vốn của dịch vụ

Giá vốn của dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn dịch vụ nhà hàng, giá vốn dịch vụ nhà nghỉ và chi phí phát sinh ở các đơn vị trực thuộc hạch toán báo sổ.

Các khoản chi phí phải chi ra để thực hiện việc cung cấp dịch vụ tại các đơn vị này được kiểm soát theo hình thức khoán cùng với định mức chi phí cụ thể được thể hiện ở Quyết định số 62/QĐ- LT của Công ty Cổ phần Lương thực và Dịch vụ Quảng Nam ngày 9 tháng 6 năm 2008 “V/v ban hành quy định tạm thời chế độ thanh toán một số chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh”.

Các chi phí phát sinh tại các đơn vị trực thuộc được chia ra 02 nhóm là:

- **Chi phí thuộc nhóm 1:** gồm chi phí vật tư, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Mức chi phí khoán: **Chi phí khoán = 40% x Doanh thu**

Các đơn vị phải tự chịu trách nhiệm về thủ tục, chứng từ.

Cuối tháng, kế toán các đơn vị lên bảng kê chứng từ, lập chứng từ ghi sổ, chuyển về kế toán Văn phòng Công ty tiếp tục xử lý.

- **Chi phí nhóm 2:** Chi phí tiền lương cũng được thực hiện theo hình thức khoán.

Đối với các đơn vị kinh doanh nhà hàng

Tổng tiền lương khoán trong kỳ = 10% x tổng doanh thu trong kỳ

Tiền lương bộ phận cung cấp dịch vụ = Tổng tiền lương khoán trong kỳ - Tiền lương bộ phận bán hàng

Đối với các đơn vị kinh doanh nhà nghỉ

Tổng tiền lương khoán trong kỳ = 40% x tổng doanh thu trong kỳ

Cuối tháng, căn cứ vào doanh thu trong tháng kế toán các đơn vị tính ra tổng tiền lương cho đơn vị mình, lập bảng tính lương cho CBCNV ở đơn vị thông qua bảng chấm công, bảng tổng hợp doanh thu, chuyển về Phòng Tổ chức hành chính kiểm tra, đối chiếu, ký duyệt.

Phòng TC-KT nhận bảng tính lương kèm các chứng từ có liên quan kiểm tra, làm thủ tục chuyển trả lương cho cán bộ, công nhân viên qua tài khoản cá nhân của từng người.

2.2.2.2. Kiểm soát chi phí bán hàng:

** Chi phí bán hàng phát sinh tại các đơn vị trực thuộc:*

Đây là khoản mục chi phí chỉ phát sinh tại đơn vị trực thuộc tổ chức hoạt động kinh doanh nhà hàng, bao gồm chi phí tiền lương nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao TSCĐ.

Tiền lương nhân viên bán hàng ở đơn vị trực thuộc là một phần trong tổng tiền lương khoán của đơn vị trực thuộc đó và được xác định bằng 3% doanh thu bán hàng hóa.

* *Chi phí bán hàng phát sinh tại Văn phòng Công ty*

- **Kiểm soát chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương**

- **Chi phí nhiên liệu, bao bì, dụng cụ**

+ *Quá trình mua vật tư nhập kho:* Quá trình này kiểm soát tương tự quá trình mua hàng hóa nhập kho ở Văn phòng Công ty.

+ *Quá trình xuất kho vật tư:* Bộ phận bán hàng lập phiếu yêu cầu xuất vật tư trình lãnh đạo phê duyệt. Kế toán lập phiếu xuất kho chuyển lãnh đạo ký duyệt. Thủ kho xuất kho vật tư theo phiếu xuất kho, ký xác nhận vào phiếu xuất kho, ghi thẻ kho. Kế toán nhận lại phiếu xuất kho, ghi sổ kế toán.

- **Chi phí dịch vụ mua ngoài:**

Đối với các chi phí như tiền điện, nước, điện thoại... được kiểm soát theo định mức quy định tại Quyết định số 62/QĐ- LT như đã nêu ở trên.

Đối với chi phí vận chuyển hàng đi bán:

Sau khi ký kết được hợp đồng cung cấp hàng hóa, tùy theo địa điểm giao hàng, Phòng NVSXKD lựa chọn đơn vị vận tải phù hợp trình Giám đốc phê duyệt. Phòng NVSXKD soạn thảo hợp đồng, chuyển Phòng TC-KT kiểm tra về giá, trình Giám đốc phê duyệt, tiến hành ký hợp đồng vận chuyển với đơn vị vận tải.

Hợp đồng cùng các chứng từ có liên quan được chuyển qua Phòng TC-KT theo dõi, thanh toán và lập bảng kê chứng từ, chứng từ ghi sổ, ghi sổ kế toán.

- **Chi phí bằng tiền khác:**

Chi phí bằng tiền thuộc khoản mục chi phí bán hàng gồm có chi phí quảng cáo, hoa hồng môi giới, hội nghị khách hàng... Các chi phí này cũng được kiểm soát theo định mức cụ thể cho mỗi hoạt động thực tế theo quy định của Công ty. Riêng chi phí hoa hồng môi giới được

xác định bằng tỷ lệ phần trăm theo doanh thu cho từng hợp đồng. Mức chi hoa hồng môi giới do Giám đốc ký duyệt.

*** Chi phí nhân viên quản lý**

Bao gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các cá nhân của các phòng ban liên quan.

Tổng tiền lương của toàn Công ty được xác định theo đơn giá lương theo quyết định của Hội đồng quản trị .

Lương kinh doanh của bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý Công ty bằng tổng tiền lương toàn Công ty trong quý trừ (-) tiền lương của tất cả các đơn vị trực thuộc đã xác định trong quý đó. Sau đó, tính cho mỗi nhân viên theo một tỷ lệ phần trăm khác nhau tùy thuộc vào công việc, bằng cấp và năng lực. Tỷ lệ này được Hội đồng xét lương quy định.

Hàng tháng, Phòng TC-KT lập bảng tính lương cho tất cả CBCNV ở Văn phòng Công ty, chuyển Phòng Tổ chức – Hành chính kiểm tra, ký duyệt. Chuyển đến Giám đốc ký duyệt. Phòng TC-KT làm thủ tục trả lương cho CBCNV qua tài khoản cá nhân của từng người.

*** Các khoản trích theo lương của CBCNV toàn Công ty**

*** Chi phí khấu hao TSCĐ**

Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, mức trích khấu hao tính theo ngày thực tế sử dụng TSCĐ.

2.2.2.4. Kiểm soát chi phí tài chính

Căn cứ vào hợp đồng mua hàng hóa đã ký kết với nhà cung cấp, phòng TC-KT lập phương án vay vốn trình Giám đốc phê duyệt, sau đó chuyển đến ngân hàng làm thủ tục vay vốn.

Kế toán cập nhật các chứng từ, ghi sổ kế toán theo dõi khoản vay cả về giá trị, thời hạn thanh toán, lãi suất.

Đến kỳ hạn thanh toán lãi vay, ngân hàng tự động thu lãi vay bằng cách trừ tiền của Công ty trên tài khoản tiền gửi tại ngân hàng rồi chuyển giấy báo về cho Công ty. Trường hợp ngân hàng không thu được lãi vay đúng kỳ hạn thì khoản lãi của kỳ đó sẽ được tính với lãi suất cao hơn.

2.2.3. Kiểm soát nội bộ chi phí kinh doanh thông qua thông tin kế toán ở Công ty.

2.2.3.1. Tổ chức thông tin dự toán làm cơ sở kiểm soát chi phí kinh doanh ở Công ty

Trong thời gian qua, công tác lập dự toán không được thực hiện tại Công ty. Khi nhận được đơn đặt hàng thì Phòng NVSXKD mới xây dựng phương án kinh doanh cho đơn đặt hàng đó. Từ phương án kinh doanh đã được duyệt, Phòng TC-KT xây dựng phương án vay vốn.

2.2.3.2. Công tác kế toán tập hợp chi phí kinh doanh và lập báo cáo chi phí kinh doanh ở Công ty.

Kế toán Công ty tập hợp chi phí kinh doanh theo từng khoản mục và sử dụng các TK 632, TK 635, TK 641, và TK 642 để tập hợp chi phí kinh doanh phát sinh trong kỳ.

2.2.4. Đánh giá thực trạng kiểm soát nội bộ chi phí kinh doanh ở Công ty

Môi trường kiểm soát

- Mọi quyết định của Công ty đều phụ thuộc hoàn toàn vào Giám đốc, người đang kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT.

- Ban kiểm soát không có tính độc lập theo yêu cầu mà phụ thuộc vào Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty

- Thông tin trong nội bộ Công ty vẫn chưa kết nối được với nhau vì hiện tại chưa có một hệ thống mạng máy tính để thực hiện công việc

này. Chưa xây dựng được các chương trình tin học ứng dụng quản lý chi phí của Công ty.

- Công tác lập kế hoạch chưa được Công ty quan tâm chú trọng

Thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí kinh doanh

- Công ty tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

- Việc xuất kho hàng hóa hiện nay chưa có một quy trình chặt chẽ.

- Lương của CBCNV ở các đơn vị trực thuộc được tính theo doanh thu đơn vị đó đạt trong kỳ, không có lương cố định.

- Công ty thanh toán tiền lương cho CBCNV qua tài khoản cá nhân của từng người mà không có một tài khoản chuyên chi lương để hạn chế những rủi ro trong thanh toán lương.

- Đơn vị vận tải chỉ phải bồi thường hàng hóa hao ngoài định mức theo giá mua.

- Công ty chưa quan tâm việc phân tích, đánh giá tình hình chi phí kinh doanh.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Luận văn giới thiệu tổng quan về đặc điểm hoạt động kinh doanh, về cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức kế toán của Công ty, tìm hiểu về hệ thống KSNB nói chung và KSNB chi phí kinh doanh nói riêng. Về nội dung KSNB chi phí kinh doanh của Công ty Cổ phần Lương thực và Dịch vụ Quảng Nam bao gồm kiểm soát GVHB, kiểm soát chi phí bán hàng, kiểm soát chi phí QLDN, kiểm soát chi phí tài chính. Công ty đã xây dựng các thủ tục kiểm soát chi phí kinh doanh tương đối hiệu quả. Bên cạnh những kết quả đạt được, KSNB chi phí kinh doanh của Công ty vẫn còn những hạn chế về môi trường kiểm soát, thủ tục kiểm soát cũng như thông tin kế toán phục vụ KSNB chi phí kinh doanh cần khắc phục nhằm phát huy tối đa tính hiệu quả của KSNB.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC VÀ DỊCH VỤ QUẢNG NAM

3.1. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT Ở CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức:

Nên tách biệt chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị với chức danh Giám đốc.

Việc tăng thêm 01 thành viên trong Hội đồng quản trị là rất cần thiết, người đó nên là cổ đông của Công ty có số vốn góp lớn, nhưng không phải là CBCNV của Công ty.

Công ty cần cơ cấu lại các thành viên Ban kiểm soát, là các cá nhân khác chứ không phải là cán bộ các phòng ban trong Công ty, có thể là các cổ đông của Công ty nhưng không phải CBCNV của Công ty

Kế toán phục vụ KSNB chi phí kinh doanh

Công ty cần có một hệ thống xử lý thông tin bằng máy tính với chương trình ứng dụng cần thiết, phù hợp với các hoạt động kinh tế đang diễn ra tại Công ty.

Bộ phận kiểm toán nội bộ

Từ điều kiện hoạt động phân tán, Công ty cần thiết phải hình thành bộ phận kiểm toán nội bộ để thực hiện việc giám sát và kiểm tra đánh giá thường xuyên toàn bộ hoạt động tài chính, kế toán của Công ty, trong đó tập trung KSNB về chi phí kinh doanh.

Công tác lập kế hoạch

- Cần chú trọng hơn nữa công tác lập kế hoạch
- Cần theo dõi thường xuyên, sâu sát việc thực hiện kế hoạch ở tất cả các phòng, ban, đơn vị trực thuộc theo từng tháng, cũng có thể từng tuần để từ đó thấy được các bộ phận có thực hiện theo đúng kế hoạch hay không.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ KINH DOANH THÔNG QUA CÁC THỦ TỤC KIỂM SOÁT TẠI CÔNG TY

3.2.1. Đối với giá vốn hàng bán

**** Giá vốn hàng hóa tiêu thụ***

- Hàng hóa kinh doanh ở Công ty có đặc điểm thời hạn sử dụng ngắn, chất lượng hàng hóa giảm dần theo thời gian lưu kho. Vì vậy, trong quy trình nhập kho hàng hóa tại Văn phòng Công ty, một thủ tục cần được đưa vào là thủ kho theo dõi thời gian nhập kho của từng lô hàng trước khi nhận hàng bằng cách ghi thời gian nhập kho trên bao bì và yêu cầu người bốc hàng xếp hàng theo đúng nơi quy định. Khi xuất kho hàng hóa, thủ kho phải xuất những lô hàng được nhập vào trước.

- Do đặc điểm ngành hàng kinh doanh, số lượng hàng hóa nhập kho lớn nhưng số lần nhập kho trong một kỳ lại ít, chỉ trên dưới 4 lần/tháng. Bên cạnh đó, quy trình xuất kho hàng hóa phải theo yêu cầu hàng nào nhập kho trước phải được xuất kho trước. Việc tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước – xuất trước đối với công ty là thuận lợi và hoàn toàn có thể áp dụng được, đồng thời với phương pháp này sẽ rất phù hợp và có tác dụng tích cực đối với quy định về hàng nhập kho trước phải xuất kho trước ở Công ty.

**** Giá vốn của dịch vụ cung cấp***

Bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Tất cả các chi phí này được kiểm soát theo hình thức khoán.

Nếu trong tháng, các đơn vị chưa chi hết số chi phí khoán (40% doanh thu) thì số còn lại nộp về Công ty. Trường hợp nếu chi vượt thì số chi vượt sẽ được trừ vào chi phí tháng sau. Công ty đã kiểm soát chi phí này thông qua chứng từ thực tế và định mức chi phí đã giao. Để tăng cường ý thức tiết kiệm chi phí ở các đơn vị, Công ty cần đưa ra chính sách là đối với các đơn vị mà có tổng chi phí phát sinh trong kỳ nhỏ hơn mức chi phí giao khoán thì phần chênh lệch giữa chi phí thực tế và chi phí giao khoán trích một phần để lại cho các đơn vị và tính vào thu nhập của CBCNV tại đơn vị đó.

Với cách tính lương cho CBCNV ở các đơn vị trực thuộc tổ chức hoạt động kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ như hiện nay là theo doanh thu nên không mang tính ổn định. Công ty nên xác định lại cơ sở tính lương cho CBCNV tại các đơn vị trực thuộc thành hai phần: lương cơ bản (lương cố định) và lương kinh doanh Công ty cần xây dựng lại quỹ tiền lương bao gồm 02 phần: lương thời gian và lương kinh doanh.

3.2.2. Đối với chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phát sinh tại đơn vị trực thuộc tổ chức kinh doanh nhà hàng: hiện nay chỉ gồm tiền lương nhân viên bán hàng và chi phí khấu hao TSCĐ (do Phòng TC-KT thực hiện). Để hạch toán đúng, đủ chi phí phát sinh theo chức năng chi phí, Công ty cần tách biệt rõ ràng những chi phí công cụ dụng cụ dùng cho hoạt động bán hàng và hoạt động dịch vụ, riêng chi phí công cụ dụng cụ phát sinh liên quan đến cả hai hoạt động thì vào cuối kỳ cần phân bổ cho hai hoạt động theo tiêu thức phù hợp, có thể phân bổ theo doanh thu.

Chi phí bán hàng phát sinh tại Văn phòng Công ty: Hiện nay, lượng hàng hóa bị hỏng, bị hao hụt ngoài định mức trong quá trình vận chuyển, Công ty yêu cầu đơn vị vận tải bồi thường theo giá mua bao gồm cả thuế. Để có thể thu hồi các chi phí phát sinh liên quan đến lượng hàng hóa bị hư hỏng như chi phí vận chuyển, bốc vác, chi phí gia công, hao hụt ngoài định mức do đơn vị vận tải gây ra, Công ty cần yêu cầu đơn vị vận tải phải bồi thường theo giá bán.

3.2.3. Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản mục chi phí tiền lương, chi phí khấu hao TSCĐ cần xác định theo từng tháng. Căn cứ vào kết quả kinh doanh trong tháng, kế toán tính tiền lương phải trả và các khoản trích theo lương cho toàn Công ty theo đơn giá lương đã được xây dựng. Căn cứ vào tình hình tăng, giảm TSCĐ trong tháng, kế toán tính và phân bổ chi phí khấu hao cho các đối tượng sử dụng.

Hiện nay, việc thanh toán lương cho CBCNV được Công ty thực hiện bằng cách thanh toán qua tài khoản cá nhân từng người tại ngân hàng. Để việc đối chiếu các khoản chi lương cũng như phát hiện gian lận trong thanh toán lương được thuận tiện, Công ty nên mở một tài khoản tại ngân hàng với mức giá trị ấn định trước đủ để thanh toán toàn bộ lương của CBCNV trong toàn Công ty gọi là tài khoản chuyên chi lương.

3.3. CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ KINH DOANH THÔNG QUA THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

3.3.1. Lập dự toán chi phí kinh doanh

Các dự toán chi phí kinh doanh có thể lập ở Công ty bao gồm: dự toán GVHB, dự toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN và chi phí tài chính.

Căn cứ để lập các dự toán chi phí kinh doanh là các kế hoạch hoạt động kinh doanh gồm kế hoạch mua, bán hàng hóa, kế hoạch tài chính, kế hoạch khấu hao TSCĐ...

Dự toán giá vốn hàng bán

Dự toán GVHB tại Công ty là sự tổng hợp dự toán giá vốn dịch vụ và giá vốn hàng hóa. Trong đó: dự toán giá vốn dịch vụ bao gồm dự toán giá vốn dịch vụ nhà hàng và dự toán giá vốn dịch vụ nhà nghỉ; dự toán giá vốn hàng hóa được tổng hợp từ các dự toán giá vốn từng loại hàng hóa.

+ Đối với giá vốn dịch vụ

Dịch vụ nhà hàng: Các đơn vị lập dự toán nguyên liệu sử dụng, chi phí nhân công trực tiếp, dự toán chi phí sản xuất chung phát sinh tại các đơn vị. Từ số liệu dự toán do Công ty cung cấp về các chi phí tính cho các đơn vị trực thuộc do Văn phòng Công ty thực hiện như phí khấu hao TSCĐ..., các đơn vị lập dự toán giá vốn dịch vụ. Tổng hợp các dự toán này, bộ phận lập dự toán Công ty lập dự toán giá vốn dịch vụ nhà hàng toàn Công ty.

Dịch vụ nhà nghỉ: Từ kế hoạch kinh doanh, các đơn vị lập dự toán giá vốn dịch vụ nhà nghỉ. Bộ phận lập dự toán Công ty tổng hợp các dự toán giá vốn dịch vụ nhà nghỉ của các đơn vị thành dự toán giá vốn dịch vụ nhà nghỉ toàn Công ty.

Đối với giá vốn hàng hóa:

Hàng hóa mà Công ty kinh doanh gồm nhiều loại khác nhau. Vì vậy, giá vốn hàng hóa được lập cho từng loại cụ thể. Căn cứ vào kế hoạch mua hàng, kế hoạch bán hàng, chính sách tồn kho của Công ty để xác định số lượng hàng hóa mua vào, số lượng hàng hóa bán ra từng quý cũng như số lượng hàng hóa tồn kho cuối mỗi quý.

Đối với hàng hóa dùng trong hoạt động dịch vụ như bia, rượu, thuốc lá... chỉ tổ chức kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc, do vậy dự toán giá vốn hàng hóa do các đơn vị lập. Căn cứ kế hoạch kinh doanh, sổ kho, số liệu thống kê về hoạt động kinh doanh nhiều năm..., các đơn vị lập dự toán giá vốn hàng hóa của từng mặt hàng.

Từ các dự toán giá vốn dịch vụ và dự toán giá vốn hàng hóa, bộ phận lập dự toán Công ty tổng hợp, lập dự toán GVHB toàn Công ty, thể hiện ở bảng 3.7:

Bảng 3.7: DỰ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN- NĂM 2010

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

Chỉ tiêu	Quý				Cả năm
	I	II	III	IV	
1. Giá vốn hàng hóa	30.415.000	61.150.000	45.695.000	15.240.000	152.500.000
- Gạo 25%	6.089.000	12.183.000	9.139.000	3.048.000	30.459.000
.....					
2. Giá vốn dịch vụ	200.000	320.000	430.000	420.000	1.370.000
Dịch vụ nhà hàng	119.500	149.900	179.6000	331.000	780.000
Dịch vụ nhà nghỉ
3.Tổng GVHB (1)+(2)	30.615.000	61.470.000	46.125.000	15.660.000	153.870.000

Dự toán chi phí bán hàng

Dự toán chi phí bán hàng được lập dựa trên việc tổng hợp các dự toán chi phí bán hàng ở các đơn vị, bộ phận. Căn cứ để lập các dự toán này là kế hoạch doanh thu, kế hoạch lao động tiền lương và các kế hoạch khác có liên quan đến chi phí bán hàng... Biến phí bán hàng tại Công ty gồm chi phí bao bì theo hàng, chi phí đóng gói, hoa hồng môi giới, chi phí vận chuyển, lương kinh doanh... Định phí bán hàng gồm: chi phí quảng cáo, chi phí khấu hao TSCĐ, văn phòng

phẩm...theo kế hoạch khấu hao TSCĐ, kế hoạch quảng cáo, định mức văn phòng phẩm... Dự toán chi phí bán hàng thể hiện qua bảng 3.8.

Bảng 3.8: DỰ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG – NĂM 2010

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

Chỉ tiêu	Quý				Cả năm
	I	II	III	IV	
1. Khối lượng hàng hóa tiêu thụ bình quân dự kiến (tấn)	5.000	9.500	7.500	3.000	25.000
2. Biến phí bán hàng ước tính cho 1 tấn hàng hóa bình quân	155	155	155	155	155
3. Biến phí bán hàng tính theo khối lượng hàng hóa tiêu thụ bình quân (1)x(2)	775.000	1.472.500	1.162.500	465.000	3.875.000
4. Tổng doanh thu dự kiến	35.000.000	66.500.000	52.500.000	21.000.000	175.000.000
5. Biến phí bán hàng ước tính theo tổng doanh thu (0,48% doanh thu) (4)x0,48%	168.000	319.200	252.000	100.800	840.000
6. Biến phí bán hàng (3)+(4)	943.000	1.791.700	1.414.500	565.800	4.715.000
7. Định phí bán hàng	134.000	134.000	134.000	134.000	536.000
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	12.000	12.000	12.000	12.000	48.000
- Quảng cáo	20.000	20.000	20.000	20.000	80.000
- Bảo hiểm hàng hóa	20.000	20.000	20.000	20.000	80.000
- Khấu hao TSCĐ	32.000	32.000	32.000	32.000	128.000
- Văn phòng phẩm, khác	50.000	50.000	50.000	50.000	200.000
8. Tổng chi phí bán hàng (6)+(7)	1.077.000	1.925.700	1.548.000	699.800	5.251.000

Dự toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí QLDN tại Công ty gồm biến phí QLDN và định phí QLDN. Dự toán chi phí QLDN được lập dựa trên kế hoạch chi phí QLDN, kế hoạch lao động, tiền lương, kế hoạch khấu hao TSCĐ... thể hiện qua bảng 3.9.

Bảng 3.9: DỰ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP – NĂM 2010

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

Chỉ tiêu	Quý				Cả năm
	I	II	III	IV	
1. Tổng doanh thu dự kiến	35.000.000	66.500.000	52.500.000	21.000.000	175.000.000
2. Biến phí quản lý = 1,2% x (1)	420.000	798.000	630.000	252.000	2.100.000
3 . Định phí QLDN	897.500	897.500	897.500	897.500	3.590.000
- Lương quản lý và các khoản theo lương	630.000	630.000	630.000	630.000	2.520.000
- Thuê tài sản	30.000	30.000	30.000	30.000	120.000
- Khấu hao TSCĐ	30.000	30.000	30.000	30.000	120.000
- Nhiên liệu	15.000	15.000	15.000	15.000	60.000
- Chi phí đào tạo	12.500	12.500	12.500	12.500	50.000
- Công tác phí	30.000	30.000	30.000	30.000	120.000
- Hội nghị, tiếp khách	70.000	70.000	70.000	70.000	280.000
- Văn phòng phẩm, khác	80.000	80.000	80.000	80.000	320.000
4. Tổng chi phí QLDN (2)+(3)	1.317.500	1.695.500	1.527.500	1.149.500	5.690.000

Dự toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính phát sinh tại Công ty bao gồm lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ. Qua số liệu thống kê nhiều năm cho thấy tỷ lệ lãi vay trên tổng chi phí tài chính là từ 97% trở lên. Do đó, khi lập dự toán chi phí tài chính chỉ đề cập đến chi phí lãi vay mà thôi. Dự

toán chi phí tài chính được lập căn cứ vào dự toán vốn bằng tiền, kế hoạch trả vốn vay cũng như trả lãi vay, thể hiện qua bảng 3.10.

Bảng 3.10: DỰ TOÁN CHI PHÍ TÀI CHÍNH – NĂM 2010

(Đơn vị tính: 1.000 đồng)

Chi tiêu	Quý				Cả năm
	I	II	III	IV	
1. Vốn vay đầu kỳ	24.330.000	48.920.000	36.550.000	12.200.000	122.000.000
2. Trả nợ vay cuối kỳ	19.505.000	20.691.000	41.543.000	40.261.000	122.000.000
3. Chi phí tài chính (Lãi vay: 11%/năm)	837.925	669.652,5	1.343.155	1.510.767	4.361.499,5

3.3.2. Tổ chức báo cáo và phân tích chi phí kinh doanh

3.3.2.1. Tổ chức báo cáo về chi phí kinh doanh

Các báo cáo chi phí kinh doanh Công ty cần lập đó là báo cáo GVHB, báo cáo chi phí bán hàng, báo cáo chi phí QLDN và báo cáo chi phí tài chính. Trên các báo cáo này cần thể hiện chi phí phát sinh thực tế và chi phí theo dự toán. Số liệu ở cột dự toán được lấy từ các dự toán chi phí kinh doanh, số liệu ở cột thực tế được lấy từ các sổ chi tiết và sổ Cái các tài khoản liên quan. Các báo cáo này có nội dung được thể hiện như các bảng 3.11, bảng 3.12.

Bảng 3.11: BÁO CÁO GIÁ VỐN HÀNG BÁN– Năm 2010

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Chi tiêu	Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Cả năm	
	Dự toán	Thực tế	Dự toán	Thực tế	Dự toán	Thực tế	Dự toán	Thực tế	Dự toán	Thực tế
	I. Giá vốn hàng bán	30.415		61.150		45.685		15.240		152.500

2.Giá vốn dịch vụ	200		320		430		420		1.370	
3.Tổng GVHB	30615		61.470		46.125		42.990		153.870	

Bảng 3.12: BÁO CÁO CHI PHÍ BÁN HÀNG – Năm 2010

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Chi tiêu	Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Cả năm	
	Dự	Thực	Dự	Thực	Dự	Thực	Dự	Thực	Dự	Thực
	toán	tế	toán	tế	toán	tế	toán	tế	toán	tế
1. Biến phí bán hàng	943		1.791,7		1.414,5		565,8		4.715	
2. Định phí bán hàng	134		134		134		134		536	
3.Tổng chi phí bán hàng	1.077		1.925,7		1.548		699,8		5.251	

3.3.2.2. Tổ chức phân tích chi phí kinh doanh

Căn cứ vào báo cáo chi phí kinh doanh, Công ty sẽ thấy được sự biến động của chi phí thực tế so với chi phí dự toán trong kỳ. Những biến động này cần phải phân tích, đánh giá, tìm các nguyên nhân gây ra sự biến động. Qua đó, Công ty thấy được những mặt mạnh, mặt yếu trong công tác lập dự toán, công tác quản lý hoạt động kinh doanh để từ đó đề ra các phương án và biện pháp nhằm khai thác có hiệu quả mọi năng lực của Công ty. Phân tích chi phí kinh doanh tại Công ty bao gồm phân tích tình hình thực hiện GVHB, chi phí bán hàng, chi phí QLDN và chi phí tài chính.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Qua tìm hiểu thực trạng KSNB chi phí kinh doanh tại Công ty Lương thực và dịch vụ Quảng Nam, từ những hạn chế của KSNB, luận văn đề xuất một số giải pháp gồm: Giải pháp hoàn thiện môi trường kiểm soát; Giải pháp tăng cường KSNB chi phí kinh doanh thông qua thủ tục kiểm soát; Giải pháp tăng cường KSNB chi phí kinh doanh thông qua thông tin kế toán. Những giải pháp này nhằm giải quyết những hạn chế của KSNB chi phí kinh doanh tại Công ty, góp phần tăng cường hơn nữa KSNB chi phí kinh doanh tại Công ty.

PHẦN KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu lý luận về KSNB chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại và tìm hiểu thực tế hoạt động KSNB chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lương thực và Dịch vụ Quảng Nam, luận văn đã giải quyết một số vấn đề sau:

- Hệ thống hóa lý luận về KSNB chi phí kinh doanh: tìm hiểu những vấn đề cơ bản về KSNB trong quản lý, bản chất cũng như phân loại chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại, nội dung cơ bản về KSNB chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

- Đánh giá thực trạng công tác KSNB chi phí kinh doanh tại Công ty, những mặt đã làm được và những hạn chế: tìm hiểu về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý, thực trạng KSNB chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lương thực và Dịch vụ Quảng Nam

- Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường KSNB chi phí kinh doanh tại Công ty: các giải pháp hoàn thiện môi trường kiểm soát, các giải pháp tăng cường KSNB chi phí kinh doanh thông qua các thủ tục KSNB, các giải pháp tăng cường KSNB chi phí kinh doanh thông qua thông tin kế toán tại Công ty.

Những giải pháp luận văn đưa ra xuất phát từ đặc thù tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty. Để thực hiện được những giải pháp đó, Công ty cần phải có bộ phận kế toán quản trị nhận thông tin về chi phí kinh doanh từ bộ phận TC-KT để thống kê, phân loại và phân tích chi phí kinh doanh. Với sự trợ giúp của phần mềm kế toán

và bộ phận kế toán quản trị, tác giả tin tưởng là Công ty sẽ thực hiện được các giải pháp trên.